**BÀI 7: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

***(Thời gian thực hiện: 12 tiết)***

**Trần Doan -0972881585; trường THCS Trần Hưng Đạo (Quảng Yên- Quảng Ninh).Tiết 106: Thực hành Tiếng Việt:**

**TÍNH MẠCH LẠC, LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Về năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù**

+ Tri thức được kiến thức về tính mạch lạc, liên kết trong văn bản.

+ Tác dụng của tính mạch lạc và liên kết khi tạo lập văn bản.

- Xác định được vị ngữ

- Nhận biết các cụm động từ có phần bổ ngữ là cụm chủ vị

- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có cụm động từ mở rộng vị ngữ

**b. Năng lực chung:**

- Giải quyết vấn đề sáng tạo: Làm bài tập linh hoạt, hiệu quả.

**2. Về phẩm chất:**

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

\* HSKT: Chú ý theo dõi, quan sát các hoạt động

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị**: Máy chiếu, máy tính

**2. Học liệu**: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a.Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b.Nội dung:**Giáo viên cho HS tìm hiểu tri thức ngữ văn

**c.Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS trả lời cá nhân câu hỏi:  (1)Thế nào là liên kết trong văn bản? Cho ví dụ.  (2)Mạch lạc là gì? Một văn bản có tính mạch lạc khi nào?  (3)Em hãy tìm điểm giống và khác nhau giữa liên kết và mạch lạc.  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện cá nhân yêu cầu của câu hỏi  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  - HStrả lời và bổ sung cho nhau  **Bước 4:Đánh giá, kết luận**  - GV đánh giá phần trả lời của HS.  - Phân tích lưu ý cho HS thêm về mạch lạc và liên kết câu. | **I. Khái niệm**  **1.Liên kết và mạch lạc trong văn bản**  **- Liên kết** là sự thể hiện mối quan hệ về nội dung giữa các câu, các đoạn, các phần của văn bản bằng phương tiện ngôn ngữ thích hợp  **Ví dụ:**  “*Một hôm,Thạch Sanh ngồi trong ngục tối,đem đàn của vua Thủy Tề cho ra gảy. Tiếng đàn vẳng đến hoàng cung, lọt vào tai công chúa. Vừa nghe tiếng đàn, công chúa bỗng cười nói vui vẻ. Nàng xin vua cha cho gọi người đánh đàn vào cung*” *(Thạch Sanh)*  *+ Lặp từ “đàn”, thay thế từ: “Công chúa- nàng” tạo sự liên kết chặt chẽ cho các câu văn.*  - **Mạch lạc** là sự thống nhất về chủ đề và tính lô gich của văn bản. Một văn bản được coi là có tính mạch lạc khi các phần, các đoạn, các câu của văn bản đều nói về một chủ đề vàđược sắp sếp theo một trình tự hợp lí.  **2. Ví dụ:**  Tính mạch lạc của văn bản*“Đức tính giản dị của Bác Hồ”* (Phạm Văn Đồng) được thể hiện”:  + Các phần,các đoạn,các câu của văn bản đều bàn luận xoay quanh chủ đề đức tính giản dị của Bác Hồ.  + Các phần, các đoạn, các câu của văn bản được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.  Phần mở đầu nêu chủ đề bàn luận: Đời sống vô cùng giản dị, khiêm tốn của Bác Hồ.  + Các phần, đoạn tiếp theo nêu các chủ đề nhỏ với các nội dung cụ thể làm rõ chủ đề chung của văn bản: *Đức tính giản dị của Bác Hồ được thể hiện trong sinh hoạt (ăn, ở, làm việc); Đời sống vật chất giản dị của Bác Hồ được kết hợp hài hòa với đời sống tâm hồn vô cùng phong phú, cao thượng; không chỉ giản dị trong sinh hoạt, Bác Hồ còn tất giản dị trong nói, viết.* |

**HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP:**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức ngữ văn làm các bài tập về liên kết và mạch lạc.

**b. Nội dung:** Học sinh thực hành làm bài tập SGK

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện: Hướng dẫn học sinh thực hiện bài tập 1/ 42**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn thực hành về tính mạch lạc của văn bản qua bài tập 1/42 SGK**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV chiếu trên máy yêu cầu của bài tập 1/42 SGK**  **BÀI 1:** Hãy làm rõ tính mạch lạc của văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh) bằng cách chứng minh các phần, các đoạn, các câu của văn bản này đều nói về một chủ đề và được sắp xếp theo một trình tự rất hợp lí.  GV yêu cầu HS thực hiện yêu cầu  **GV yêu cầu HS thực hiện vụ học tập làm bài tập theo nhóm kết hợp kĩ thuật khăn trải bàn:**  GV chia lớp thành các nhóm - mỗi nhóm 4- 6 học sinh cùng thực hiện yêu cầu của bài tập dựa trên cơ sở các gợi ý:  **Gợi ý:**  *+ Nêu chủ đề chung văn bản*  *+Chứng minh các câu văn đều hướng đến chủ đề chung của văn bản*  *+ Chứng minh các phần các đoạn được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe hướng dẫn, làm việc cá nhân, nhóm suy nghĩ, trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của giáo viên  + Bước 1: Suy nghĩ độc lập: (3’)- cá nhân học sinh tự viết câu trả lời ra phần mép khăn  + Bước 2: Chia sẻ với nhóm: (3’)- các nhóm thảo luận ghi ý kiến chung vào giữa khăn  + Bước 3: Thống nhất trong nhóm và cử đại diện trình bày trước lớp.  - Giáo viên quan sát, hỗ trợ học sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo**  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - GV chiếu trên máy yêu cầu trả lời phiếu học tập 1- HS tự bổ sung chuẩn xác. GV phân tích cho học sinh hiểu rõ hơn về tính mạch lạc của văn bản.  phân tích cho học sinh rõ:  **Nhiệm vụ 2:Phân tích tính liên kết của văn bản** **BÀI 2.(SGK/ tr 42, 43**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV ***chiếu nội dung đoạn văn bản*** và yêu cầu học sinh thực hiện chia sẻ cặp nhóm đôi theo yêu cầu bài tập 2/ SGK  trang 42,43.  **Đoạn văn bản:**  (*1)Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta.Từ xưa đến nay, mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.*  *(2)Lịch sử đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu,Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc,vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** Học sinh đọc ngữ liệu SGK/ 40+ 41 và thực hiện thảo luận nhóm theo cặp đôi yêu cầu của bài tập.  - GV quan sát, góp ý, hỗ trợ học sinh trong quá trình thực hiện.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV chiếu lại yêu cầu bài tập và các ngữ liệu cần khai thác. Yêu cầu học sinh trình bày kết quả làm bài.  - Đại diện cặp đôitrình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập theo kĩ thuật công đoạn.  + Cặp đôi 1: trình bày nội dung phần a  + Cặp đôi 2: Trình bày nội dung phần b  + Các nhóm khác bổ sung  - HSkhác nhận xét, bổ sung câu trả lời củabạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV chiếu đáp án, HS tự đánh giá kết quả làm bài và bổ sung  GV đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của HS  **Bài 3:Tìm cụm chủ vị là cụm động từ(SGK/ tr43)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Tìm vị ngữ là cụm động từ trong những câu dưới đây. Xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm động từ đó.  *a) Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ. (Phạm Văn Đồng)*  *b) Nhưng chớ hiểu lầm rằng Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật. (Phạm Văn Đồng)*  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu  - HS thảo luận theo nhóm đôi.  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày kết quả của nhóm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **II. Luyện tập**  **Bài 1:** Tìm hiểu tính mạch lạc của văn bản “*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*”.  **Chủ đề văn bản:**Truyền thống yêu nước của nhân dân ta.  - Các phần, các đoạn, các câu của văn bản đều nói về chủ đề “*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*”  **Phần 1:** Nêu chủ đề bàn luận: dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước:  + Khẳng định: tinh thần yêu nước là một truyền thống quý báu của nhân dân ta, nó có sức mạnh lớn lao trong kháng chiến chống  + Chỉ ra khái quát truyền thống đó được thể hiện qua suốt chiều dài lịch sử mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng.  **Phần 2:(Đoạn 2,3):**Chứng minh cụ thể tinh thần yêu nước của nhân dân ta thể hiện qua các giai đoạn lịch sử.  **+ Đoạn 2:** Chứng minh tinh thần yêu nước trong quá khứ với với bằng chứng hùng hồn là các cuộc kháng chiến vĩ đại gắn với tên tuổi của những vị anh hùng dân tộc như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung….  **+ Đoạn 3**: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta được đề cập và chứng minh qua lịch sưt hiện đại với bằng chứng là sự hết lòng tham gia ủng hộ kháng chiến của đông đảo các tầng lớp đồng bào ở trong và người nước bằng những hoạt động, những củ chỉ tuy khác nhau nơi việc làm nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.  **+ Đoạn 4 (Phần cuối):** Vẫn nói về tinh thần yêu nước của nhân dân ta:  + ***Tác giả khẳng định về hai mặt bộc lộ của lòng yêu nước****(đây làcác thứ của quý*nhưng chưa được bộc lộ, chưa được khai thác hết “*Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng, dễ thất. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm”)*  ***+ Kêu gọi mọi người hành động, phát huy tinh thần ấy*-** bổn phận của mỗi người chúng ta là phải làm cho chúng được bộc lộ và *thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến*.  ***Các phần, các đoạn, các câu văn được sắp xếp theo một trình tự hợp lí***  **+ Đoạn 1**: Nêu khái quát truyền thống yêu nước của nhân dân ta  **+Phần 2(Đoạn 2,3):**Làm rõ ý khái quát đã nêu ở đoạn 1 bằng cách chứng minh tinh thần yêu nước của nhân dân ta thể hiện qua các giai đoạn lịch sử(từ xưa đến nay)  **+ Phần cuối**: Khẳng định giá trị quý báu của truyền thống yêu nước và xác định trách nhiệm của Đảng trong biệt phát huy lòng yêu nước ở mỗi người công dân với tổ quốc.  **BÀI 2.(SGK/ tr 42, 43)**Phân tích tính liên kết của văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh)  *a) Các biện pháp liên kết và những từ ngữ được dùng làm phương tiện liên kết các câu trong đoạn văn thứ nhất và đoạn văn thứ hai của văn bản là:*   |  |  | | --- | --- | | **Cách liên kết** | **Phương tiện liên kết** | | Phép lặp từ ngữ | *tinh thần yêu nước; chúng ta; ta; lòng nồng nàn yêu nước*. | | Phép thế | *lòng nồng nàn yêu nước - đó; yêu nước - ấy, nó* | | Phép nối | các từ ngữ nối như từ…đến; tuy…nhưng; những; |   **b. Những câu có tác dụng liên kết đoạn văn chứa chúng với đoạn văn đứng trước trong văn bản:**  - *Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta.*  *- Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước.*  *- Tinh thần yêu nước cũng giống như các thứ của quý.*  **Bài 3/43:Tìm cụm chủ vị là cụm động từ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thành phần trước** | **Thành phần trung tâm** | **Thành phần sau** | | càng | ***thấy*** | ***Bác quý … vụ.*** | | Chớ | ***hiểu lầm*** | ***Bác sống … ẩn dật*** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bài 3: (SGK/ tr43)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Tìm vị ngữ là cụm động từ trong những câu dưới đây. Xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm động từ đó.  *a) Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ. (Phạm Văn Đồng)*  *b) Nhưng chớ hiểu lầm rằng Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tao theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật. (Phạm Văn Đồng)*  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu  - HS thảo luận theo nhóm đôi.  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày kết quả của nhóm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. |  |

**HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn có tính mạch lạc và biện pháp liên kết

(Khoảng 8 – 10 dòng ) nêu cảm nghĩ của em về một văn bản nghị luận đã học.Chỉ ra tính mạch lạc và các biện pháp liên kết được sử dụng trong đoạn văn đó trong bài tập 4 sgk trang 43.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS theo yêu cầu SGK.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Vận dụng vào viết ngắn ở bài tập 4:**  **Hình thức: Làm việc cá nhân**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Theo dõi SGK trang 43, hoàn thành nhanh bài tập 4:  **Yêu cầu:** Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 8 – 10 dòng)nêu cảm nghĩ về một văn bản nghị luận đã học .chỉ ra tính mạch lạc,phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn đó.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:suy nghĩ , viết đoạn văn  - Giáo viên: quan sát, khuyến khích, hỗ trợ nếu cần.  GV có thể gợi ý HS cụ thể:  +*Chon các văn bản nghị luận như : “tinh thần yêu nước của nhân dân ta”, “Đức tính giản dị của Bác Hồ:......*  *+ Đoạn văn diễn dịch hoặc quy nạp*  *+ Câu chủ đề của đoạn văn*  *+ Đoạn văn:nêu cảm nghĩ*  *+ Số dòng :8 – 10 dòng*  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn.  Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá kết quả**  Giáo viên nhận xét, đánh giá và cho điểm HS.  - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:  + Kết quả làm việc của học sinh.  +Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.  GV:  Sửa chữa,đánh giá và chốt kiến thức | **Bài tập 4:**  Đoạn văn của HS cần đảm bảo các yêu cầu:  - Dung lượng đoạn văn từ 8 – 10 dòng; đảm bảo hình thức đoạn văn.  - Nội dung của đoạn văn: nêu cảm nghĩ của em về một văn bản nghị luận đã học  - Đoạn văn : có tính mạch lạc và phép liên kết,yêu cầu chỉ rõ |

**ĐOẠN 1**:**Đoạn văn cảm nghĩ về văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ”**

“*Đức tính giản dị của Bác Hồ”* là một văn bản nghị luận đặc sắc đã cho ta hiểu và ngưỡng mộ đức tính giản dị của Hồ Chí Minh-vị cha già muôn vàn kính yêu của dân tộc. Từ sự hiểu biết, tình cảm kính yêu chân thành của người cộng sự gần gũi với Bác Hồ, tác giả Phạm Văn Đồng đã cho thấy Người luôn là một hình mẫu về sự giản dị, khiêm tốn.Đọc văn bản ta thấy với lập luận chặt chẽ, hệ thống lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục cùng lối viết chân thành tác giả đã thuyết phục được người đọc, người nghe về biểu hiện đa dạng đức tính giản dị của Bác thể hiện trong mọi mặt của đời sống, sinh hoạt thường ngày. Từ bữa cơm chỉ có vài ba món đơn giản, nơi ở của vị Chủ tịch chỉ là nhà sàn đơn sơ mộc mạc với vài phòng để họp, tiếp khách, nghỉ ngơi. Đâu chỉ thế sự giản dị của Người còn thể hiện trong lời nói “*Không có gì quý hơn độc lập tự do!”, “Tôi nói đồng bào nghe rõ không?”,* trong bài viết của Người *“Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn song chân lí ấy không hề thay đổi*”. Sau những dẫn chứng, trước khi kết thúc luận cứ tác giả còn đưa ra những lời bình luận xác đáng về đức tính giản dị của Bác Hồ cho ta hiểu rằng sự giản dị của Bác không phải là lối sống khắc khổ của những nhà nho xưa mà là biểu hiện sự phong phú trong đời sống vật chất, tinh thần, tâm hồn tình cảm của Bác như Tố Hữu từng khẳng định “*Mong manh áo vải hồn muôn trượng/Hơn tượng đồng soi những lối mòn*”. Người là một tấm gương sáng cho mọi thế hệ học tập và noi theo. Là học sinh em sẽ cố gắng rèn luyện theo những phẩm chất quý báu ấy để sau này trở thành con người có ích trong gia đình và xã hội.

**- Tính mạch lạc**: Các câu trong đoạn đều tập trung làm sáng tỏ chủ đề: Cảm nghĩ của người viết về văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ”

+ Câu mở đầu: Nêu suy nghĩ khái quát

+ Các câu tiếp: Nêu biểu hiện cụ thể làm rõ ý câu mở đầu

+ Hai cuối: Khẳng định vấn đề, liên hệ trách nhiệm bản thân

**– Sử dụng các phép liên kết:**

+ Phép lặp (Việt Nam, đức tính giản dị, Bác Hồ),

+ Phép thế (Bác Hồ- Người, cha già, Bác; Phạm Văn Đồng – tác giả..; đức tính giản dị- đức tính ấy…)

**ĐOẠN 2:** Cảm nghĩ về văn bản *“Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*”

“*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*”là đoạn trích trong văn kiện Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại Đại hội lần thứ II của Đảng Lao động Việt Nam họp tại Việt Bắc tháng 2 năm 1951, trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp là một đoạn văn nghị luận chứng minh tiêu biểu cho bạn đọc thấu hiểu truyền thống yêu nước cao đẹp của dân tộc. Bằng lập luận chặt chẽ, đanh thép, lối viết với lí lẽ sắc bén, dẫn chứng cụ thể sau khi nêu vấn đề tác giả đã tập trung nhấn mạnh và biểu dương những biểu hiện của tinh thần yêu nước trong công cuộc chống ngoại xâm của dân tộc. Để rồi từ những dẫn chứng cụ thể về tinh thần yêu nước trong quá khứ đến hiện tại, những hình ảnh so sánh gợi cảm, lối liệt kê theo mô hình “*từ... đến*” Bác đã chứng minh một cách thuyết phục tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Cho chúng ta hiểu rằng truyền thống yêu nước quý báu của người Việt Nam có khi là tiềm tàng tiềm ẩn nhưng có khi bộc lộ mạnh mẽ. Mọi người Việt Nam không phân biệt tuổi tác, giới tính, ngành nghề vùng miền đều hết lòng phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc. Và trong hoàn cảnh cuộc kháng chiến đang diễn ra ác liệt việc phát huy truyền thống yêu nước ấy là vô cùng cần thiết. Tìm hiểu văn bản em càng thêm kính yêu lãnh tụ Hồ Chí Minh- vị cha già của dân tộc Việt Nam và nhận thấy trách nhiệm của thế hệ mình trong việc phát huy và giữ gìn truyền thống yêu nước của ông cha.

**- Tính mạch lạc**: Các câu trong đoạn đều tập trung làm sáng tỏ chủ đề: Truyền thống yêu nước

+ Câu mở đầu: Nêu suy nghĩ khái quát

+ Các câu tiếp: Nêu biểu hiện cụ thể làm rõ ý câu mở đầu

+ Câu cuối: Khẳng định vấn đề, liên hệ bản thân.

**– Sử dụng các phép liên kết:**

+ Phép lặp :Truyền thống yêu nước, Bác, người Việt Nam, nhân dân ta, cuộc kháng chiến, dân tộc...,

+ Phép thế: Bác Hồ- Người, cha già,

+ Phép nối: Và, Để rồi...

**\*Rubric**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Hình thức đoạn văn |  |  |
| Xác định chủ đề đoạn văn |  |  |
| Nội dung các câu văn tập trung chủ đề của đoạn |  |  |
| Cảm nghĩ sâu sắc |  |  |
| Có liên hệ mở rộng khi viết cảm nghĩ |  |  |
| Sử dụng các phép liên kết |  |  |
| Chữ viết đúng chính tả |  |  |
| Lập luận chặt chẽ |  |  |
| Sáng tạo trong cách dùng từ, diễn đạt. |  |  |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**\* Hướng dẫn tự học**

- Học và nắm chắc ND bài học.

HS hoàn thiện các bài tập phần Thực hành Tiếng Việt.

**\* Hướng dẫn chuẩn bị bài:**

- Tìm hiểu về các tượng đài được xây dựng trên đất nước Việt Nam, ý nghĩa các tượng đài.

- Vận dụng kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận tìm hiểu: Thực hành đọc hiểu “*Tượng đài vĩ đại nhấ*t” – Uông Ngọc Dậu